

NGHỊ QUYẾT

**Đại hội đồng cổ đông thường niên
Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí năm 2024**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2020/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 20/4/2023;

Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí ngày 15 tháng 5 năm 2024.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023, Kế hoạch và nhiệm vụ trọng tâm năm 2024; Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị, Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán; Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2023 và các Tờ trình đề xuất của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; với các nội dung chính như sau:

1.1 Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 với các chỉ tiêu cơ bản

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023	Tỷ lệ % TH/KH 2023	Tỷ lệ % TH2023 / TH2022
Chỉ tiêu tài chính							
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	824,9	766,5	733,5	96%	89%
2	Tổng chi phí	Tỷ đồng	809,0	749,0	715,5	96%	88%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	15,9	17,5	18,0	103%	113%

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023	Tỷ lệ % TH/KH 2023	Tỷ lệ % TH2023 / TH2022
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	13,7	15,3	16,7	109%	122%
5	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	12,8	13,3	10,7	81%	84%
Chỉ tiêu lao động tiền lương							
6	Lao động bình quân	Người	313	310	301	97,1%	96,2%
7	Năng suất lao động bình quân tính theo tổng DT trừ chi phí chưa lương	Tr.đồng/ tháng	11,730	13,136	14,065	107,1%	119,9%
8	Tiền lương bình quân	Tr.đồng/ tháng	6,769	7,580	8,115	107,1%	119,9%
9	Quỹ tiền lương người lao động	Tr.đồng	25.423	28.196	29.313	104,0%	115,3%
Chỉ tiêu đầu tư mua sắm							
1	Mua sắm 2 xe ô tô 7 chỗ phục vụ quản lý điều hành	Tỷ đồng	-	2,82	2,82	-	100%

1.2 Kế hoạch SXKD năm 2024

a) Nhiệm vụ kế hoạch

Bám sát các nội dung, định hướng phát triển Công ty theo chỉ đạo của Công ty Mẹ (BSR) để triển khai, quyết tâm thực hiện hoàn thành chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2024:

- Tập trung rà soát công tác tối ưu hóa quy trình sản xuất bao bì, tiết kiệm chi phí, tìm thêm các nhà cung cấp mới, cơ cấu nguyên vật liệu đầu vào; giải pháp gia tăng tối đa công suất dây chuyền thiết bị của nhà máy, nghiên cứu sản xuất các loại sản phẩm mới để đa dạng hóa sản phẩm.

- Xây dựng phương án mở rộng thị trường tiêu thụ hạt nhựa PP và các sản phẩm hạt nhựa mới, ưu tiên hướng đến khách hàng trực tiếp sản xuất.

- Tiếp tục nghiên cứu và đề xuất chủng loại Pallet mới (như Pallet nhựa) có thể mang lại hiệu quả cao hơn cho PV Building và giảm giá thành sản phẩm.

(Handwritten signature)

- Mở rộng thêm một số lĩnh vực dịch vụ hậu cần khác trên cơ sở nâng cao năng lực, tận dụng tối đa các nguồn lực sẵn có của Công ty để tham gia cung cấp các dịch vụ trong đợt bảo dưỡng tổng thể Nhà máy Lọc dầu Dung Quất lần thứ 5, công tác triển khai thực hiện Dự án Nâng cấp, mở rộng Nhà máy Lọc dầu Dung Quất.

- Tiếp tục triển khai Phương án nâng cao hiệu quả kinh doanh Khu tập thể đê bao sông Trà, lập kế hoạch đầu tư cải tạo, nâng cấp các khu nhà; trọng tâm là Khu tập thể đê bao sông Trà đáp ứng với nguồn khách hàng hiện hữu và mở rộng dịch vụ cho thuê nhà ở kết hợp văn phòng cho khách hàng tiềm năng trong những năm đến khi Dự án Dung Quất 2-Hòa Phát; Dự án Nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất; Trung tâm năng lượng Quốc gia... triển khai.

- Tiếp tục chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ theo hướng chuyên nghiệp, kiểm soát chặt chẽ chi phí nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.

b) Chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2024

Stt	Chỉ tiêu tài chính	Đvt	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2024	Tỷ lệ % KH2024/ TH2023
Chỉ tiêu tài chính					
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	191,8	189,5	98,8%
	<i>Trong đó: Vốn điều lệ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>175,2</i>	<i>175,2</i>	<i>100,0%</i>
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	733,5	697,0	95,0%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	18,0	14,9	82,6%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	16,7	12,9	77,1%
5	Nộp NSNN	Tỷ đồng	10,73	12,10	112,8%
Chỉ tiêu lao động tiền lương					
6	Lao động bình quân	Người	301	305	101,3%
7	Năng suất lao động bình quân tính theo tổng DT trừ chi phí chưa lương	Tr.đồng/ tháng	14,06	11,546	82,1%
8	Tiền lương bình quân	Tr.đồng/ tháng	8,115	6,670	82,2%
9	Quỹ tiền lương người lao động	Tr.đồng	29.313	24.413	83,3%
Chỉ tiêu đầu tư mua sắm					
1	Mua sắm 02 xe ô tô phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty	Tỷ đồng	-	9,48	<i>Chuyển từ năm 2023 sang</i>

1.3 Phê duyệt tiền lương, thù lao Người quản lý năm 2023:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Bộ phận	Thực hiện năm 2023		Ghi chú
		Số người bình quân	Số tiền (đồng)	
I.	Hội đồng quản trị	3,75	1.511.129.352	
1	Chủ tịch (không chuyên trách)	1,00	107.769.884	
2	Thành viên kiêm Giám đốc	1,00	554.456.134	
3	Thành viên chuyên trách	1,75	848.903.334	
II.	Ban kiểm soát	3,00	586.512.255	
1	Trưởng ban	1,00	285.148.868	
2	Thành viên chuyên trách	1,00	253.465.661	
3	Thành viên (không chuyên trách)	1,00	47.897.726	
III.	Ban Giám đốc	3,00	1.346.536.323	
1	Phó Giám đốc	2,00	950.496.228	
2	Kế toán trưởng	1,00	396.040.095	

1.4 Phê duyệt Phương án phân chia lợi nhuận sau thuế năm 2023:

Đơn vị tính: Đồng

Lợi nhuận sau thuế	16.672.873.021
1. Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi (1,9 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người lao động)	4.662.121.013
2. Thưởng hoàn thành nhiệm vụ (1,5 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người quản lý)	411.000.000
3. Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ và thưởng hoàn thành nhiệm vụ (chia cổ tức cho các cổ đông)	11.599.752.008
1 Công ty cổ phần Lọc hoá dầu Bình Sơn: 83,26%	9.658.106.008
2 Khách sạn Cẩm Thành: 3,14%	364.100.000
3 Nhóm cổ đông cá nhân: 13,6%	1.577.546.000

* Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ: 6,62%

1.5 Thông qua Kế hoạch tiền lương, thù lao Người quản lý năm 2024:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Khoản mục	Số lượng (người)	Số tiền (triệu đồng)	Ghi chú
1	Quỹ tiền lương của người quản lý chuyên trách	8,00	2.818,32	

2	Quỹ thù lao của người quản lý không chuyên trách	2,00	128,54	
---	--	------	--------	--

1.6 Kế hoạch phân chia lợi nhuận sau thuế năm 2024:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Lợi nhuận sau thuế	12.855,30
1. Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi (2,0 tháng tiền lương bình quân kế hoạch của người lao động)	4.068,86
2. Thưởng hoàn thành nhiệm vụ (1,0 tháng tiền lương bình quân kế hoạch của người quản lý)	234,86
3. Lợi nhuận chia cổ tức cho cổ đông theo tỷ lệ vốn góp (Lợi nhuận còn lại sau khi đã trích lập các quỹ)	8.551,58

* Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ: 4,88%

1.7 Thông qua Phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán cho Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty (có Tờ trình kèm theo).;

1.8 Thông qua nội dung sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát; với nội dung cơ bản:

Sửa đổi tên và địa chỉ trụ sở chính:

- Tên Tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ BÌNH SƠN**

- Tên Tiếng Anh: **BINH SON PETROLEUM PACKAGING AND TRADING JOINT STOCK COMPANY**

- Tên viết tắt: BSPPT.

- Trụ sở chính: Thôn Phước Hoà, xã Bình Trị, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.

(có Tờ trình và các Dự thảo sửa đổi bổ sung kèm theo)

1.9 Thông qua Chiến lược phát triển Công ty đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (có Tờ trình kèm theo).

1.10 Thông qua Phương án xử lý Quỹ đầu tư phát triển theo kiến nghị của Thanh tra Bộ Tài chính (có Tờ trình kèm theo).

1.11 Chấp thuận việc ký kết hợp đồng với người có liên quan (có Tờ trình kèm theo).

Điều 2. Nghị quyết này được thông qua toàn văn tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 với 16.689.975 phiếu tán thành, đạt tỷ lệ 100% phiếu tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; tương đương 95,25% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.



Các ông/bà Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Giám đốc, Trưởng cấp phòng Công ty, các tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Như Điều 2;
- Lưu VT, Thư ký Công ty.

**CHỦ TỌA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Phạm Tuấn Anh

C.P * 1/20